

BÀI 3: TỔ CHỨC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO VÀ THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN

TS. Phí Văn Trọng

Giảng viên trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Tình huống khởi động bài

Tranh luận về tình huống nhập, xuất kho

Một sinh viên mới ra trường đi làm tranh luận với kế toán kho như sau: Công ty mua vật liệu xuất thẳng đến chân công trình. Thực tế tại công trình không có kho mà chỉ có nhân viên kiểm kê vật tư nhưng kế toán kho vẫn làm Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho. Bạn sinh viên cho rằng làm như thế là sai nguyên tắc. Kế toán kho thì khẳng định mình làm đúng.

Hỏi: Theo anh (chị) ai là người có lý hơn? Anh chị có thể tìm hiểu thực tế tình huống này và giải thích?

Mục tiêu bài học

- Trình bày được mục tiêu và nguyên tắc tổ chức kế toán hàng tồn kho và thanh toán với người bán.
- Xác định được cách thức lập và luân chuyển chứng từ về hàng tồn kho và thanh toán với người bán.
- Xác định được cách thức ghi sổ kế toán chi tiết và tổng hợp đối với hàng tồn kho và thanh toán với người bán.

Cấu trúc nội dung

3.1 Mục tiêu và nguyên tắc tổ chức

3.2 Tổ chức lập và luân chuyển chứng từ

3.3 Tổ chức kế toán chi tiết

3.4 Tổ chức kế toán tổng hợp

3.1. Mục tiêu và nguyên tắc tổ chức

3.1.1. Mục tiêu

3.1.2. Nguyên tắc
tổ chức

3.1.1. Mục tiêu

- Cung cấp đầy đủ, kịp thời, đáng tin cậy những thông tin cần thiết để quản trị mua hàng, hàng tồn kho, công nợ với người bán:
 - Số lượng, giá phí của vật tư, sản phẩm, hàng hoá nhập, xuất, tồn theo từng kho, từng quầy hàng, cửa hàng.
 - Nợ phải trả, đã trả, phải thu, đã thu và công nợ còn lại với từng người bán.
- Cung cấp thông tin cần thiết để ghi các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính liên quan đến hàng tồn kho, công nợ với người bán:
 - Chỉ tiêu hàng tồn kho, phải trả người bán, ứng trước cho người bán trên bảng cân đối kế toán.
 - Một số chỉ tiêu chi tiết hàng tồn kho, các khoản phải thu, phải trả trên Thuyết minh báo cáo tài chính.
- Cung cấp chứng từ hợp lệ để xác định chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, giá vốn hàng bán.

3.1.2. Nguyên tắc tổ chức

Nguyên tắc thống nhất

- Căn cứ vào chế độ kế toán để lựa chọn và sử dụng chứng từ nhập, xuất vật tư, sản phẩm, hàng hoá, chứng từ thanh toán với người bán, số và tài khoản kế toán hàng tồn kho, thanh toán với người bán.
- Căn cứ vào chế độ tài chính hiện hành để tính giá phí vật tư, sản phẩm, hàng hoá nhập, xuất kho.

Nguyên tắc thích ứng

- Dựa vào đặc điểm vật tư, sản phẩm, hàng hoá để lựa chọn phương pháp hạch toán chi tiết vật tư, hàng hoá nhập, xuất và quy định chi tiết các tài khoản hàng tồn kho, lựa chọn phương pháp tính giá xuất kho thích hợp.
- Dựa vào đặc điểm của các đối tượng hạch toán chi phí để thiết kế và lập bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ thích hợp.

3.2. Tổ chức lập và luân chuyển chứng từ

3.2.1. Chứng từ

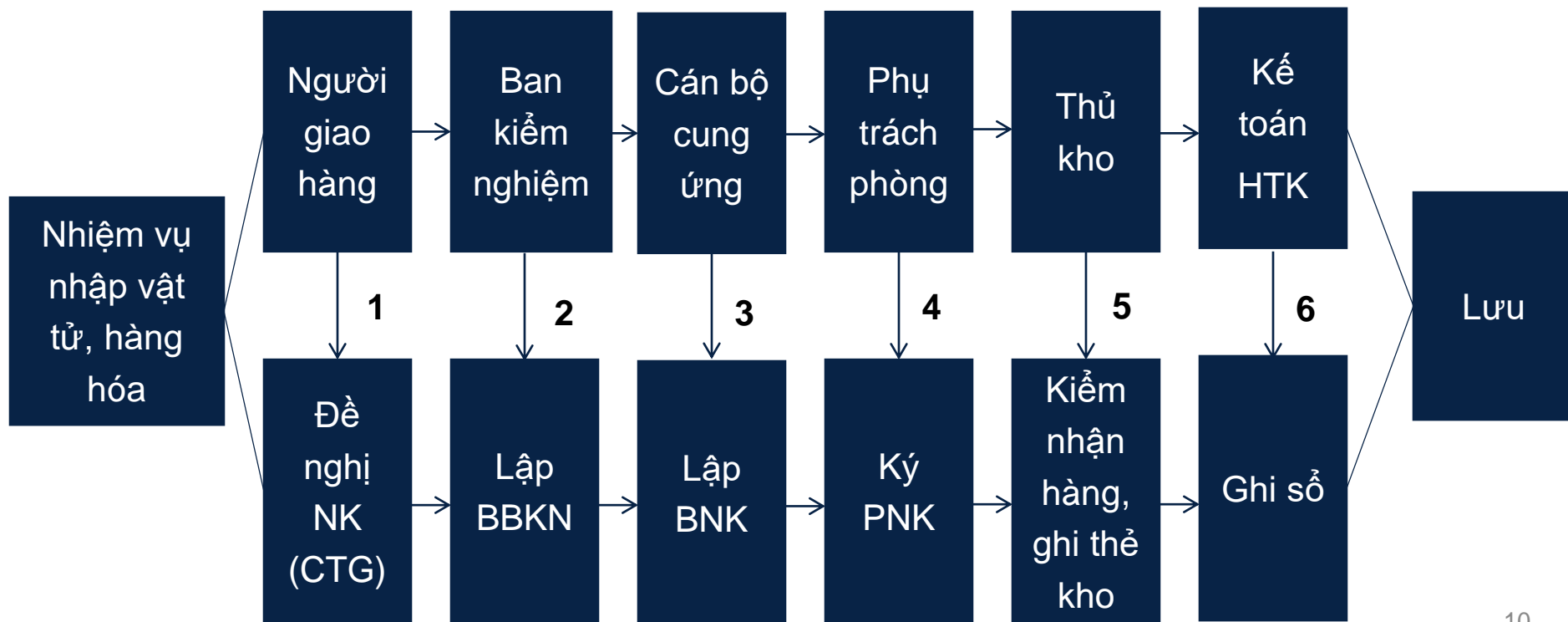
3.2.2. Tổ chức lập và
luân chuyển chứng từ

3.2.1. Chứng từ

- Phiếu nhập kho.
- Phiếu xuất kho.
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ.
- Biên bản kiểm nghiệm.
- Biên bản kiểm kê vật tư, sản phẩm, hàng hoá.
- Hoá đơn.
- Phiếu chi, Giấy báo Nợ.

3.2.2. Tổ chức lập và luân chuyển chứng từ

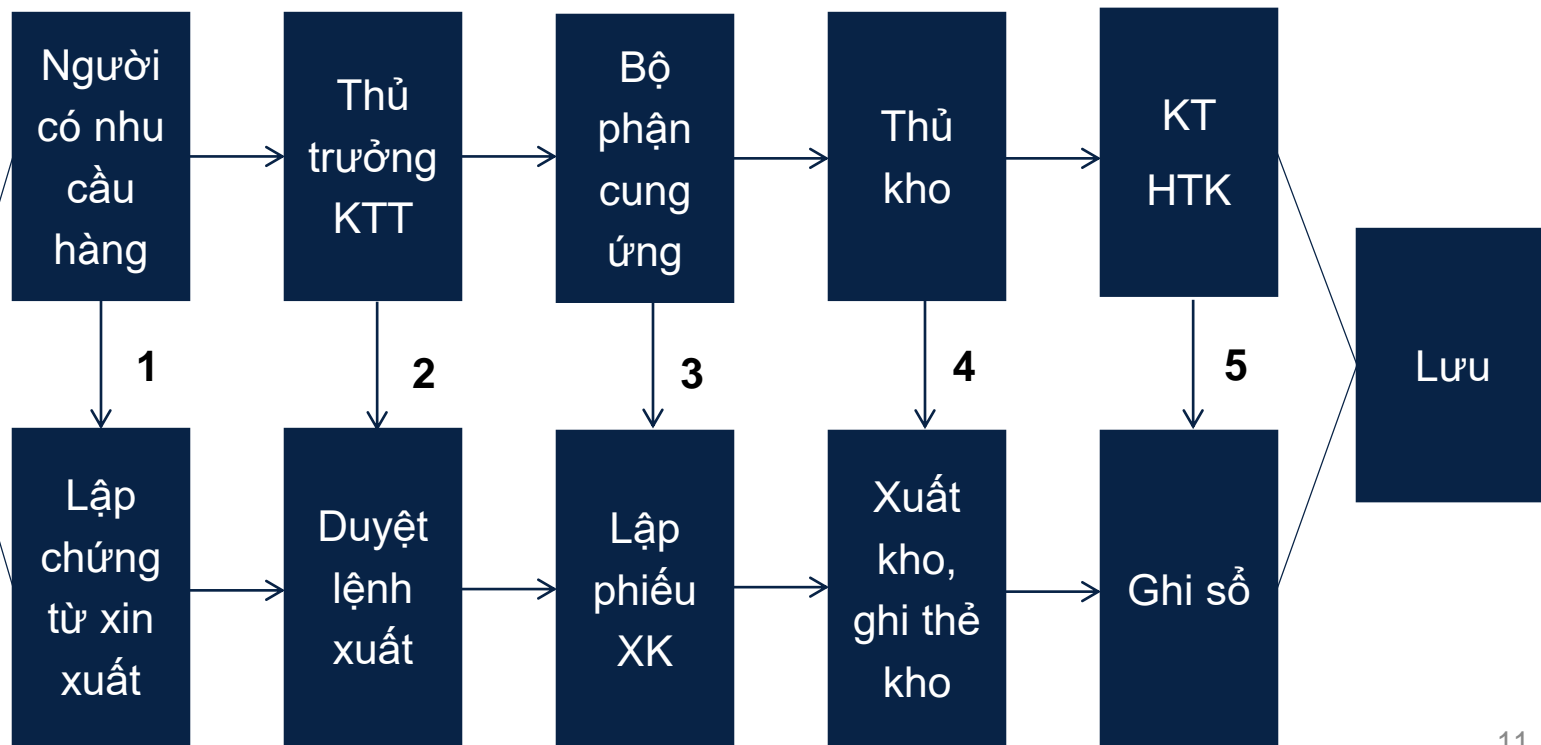
Quy trình lập phiếu nhập kho vật tư, sản phẩm, hàng hóa



3.2.2. Tổ chức lập và luân chuyển chứng từ

Quy trình lập phiếu xuất kho vật tư, sản phẩm, hàng hóa

Nhiệm vụ
xuất kho
vật tư,
hàng hóa



3.3. Tổ chức kế toán chi tiết

3.3.1. Kế toán chi tiết
thanh toán với
người bán

3.3.2. Kế toán chi tiết
vật tư, sản phẩm,
hàng hóa

3.3.1. Kế toán chi tiết thanh toán với người bán

Mục tiêu: Cung cấp thông tin để quản trị công nợ với người bán.

Yêu cầu:

- Theo dõi được số tiền phải trả theo từng người bán.
- Theo dõi được thời hạn các khoản phải trả theo từng người bán.
- Tính toán được các khoản chiết khấu, các khoản thưởng trong quá trình thanh toán với người bán.
- Phải tổng hợp được nợ phải trả, nợ đến hạn, quá hạn với từng người bán.
- Đối với công nợ bằng ngoại tệ phải tuân thủ nguyên tắc hạch toán ngoại tệ.

3.3.1. Kế toán chi tiết thanh toán với người bán

Phương pháp hạch toán

- Mở sổ chi tiết theo từng người bán.
- Đối với những người bán có quan hệ thường xuyên thì theo dõi riêng trên 1 tờ sổ chi tiết.
- Đối với những người bán ít có quan hệ với doanh nghiệp thì theo dõi chung trên 1 tờ sổ chi tiết.
- Đối với công nợ bằng ngoại tệ thì phải có sổ chi tiết riêng để theo dõi nợ bằng đơn vị nguyên tệ và sử dụng tỷ giá hối đoái thích hợp để quy đổi thành VND.

3.3.1. Kế toán chi tiết thanh toán với người bán

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN

Tháng....Năm....

Tài khoản

Đối tượng.....Loại tiền: VND

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Thời hạn được chiết khấu	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng				N	C	N	C
			Số dư đầu kỳ						
			Cộng phát sinh						
			Số dư cuối kỳ						

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

3.3.1. Kế toán chi tiết thanh toán với người bán

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN BẰNG NGOẠI TỆ

Dùng cho TK 131, 136, 331, 341

Năm....

Tài khoản:...

Đối tượng:...

Loại ngoại tệ:...

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Tỷ giá
	Số hiệu	Ngày tháng			
1	2	3	4	5	6
			1. Số dư đầu kỳ 2. Số phát sinh ...		
			<i>Cộng phát sinh</i> 3. Số dư cuối kỳ		

3.3.1. Kế toán chi tiết thanh toán với người bán

Số phát sinh				Số dư			
Nợ		Có		Nợ		Có	
Ngoại tệ	Quy ra VNĐ	Ngoại tệ	Quy ra VNĐ	Ngoại tệ	Quy ra VNĐ	Ngoại tệ	Quy ra VNĐ
7	8	9	10	11	12	13	14

3.3.1. Kế toán chi tiết thanh toán với người bán

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN

STT	Tên nhà cung cấp	Số dư đầu kỳ		Phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
	Người bán A						
	Người bán B						
	Cộng						

3.3.2. Kế toán chi tiết vật tư, sản phẩm, hàng hóa

Mục tiêu

Cung cấp thông tin chi tiết để quản trị từng danh điểm vật tư, sản phẩm, hàng hoá tồn kho, tồn quầy, tồn bãi.

Yêu cầu

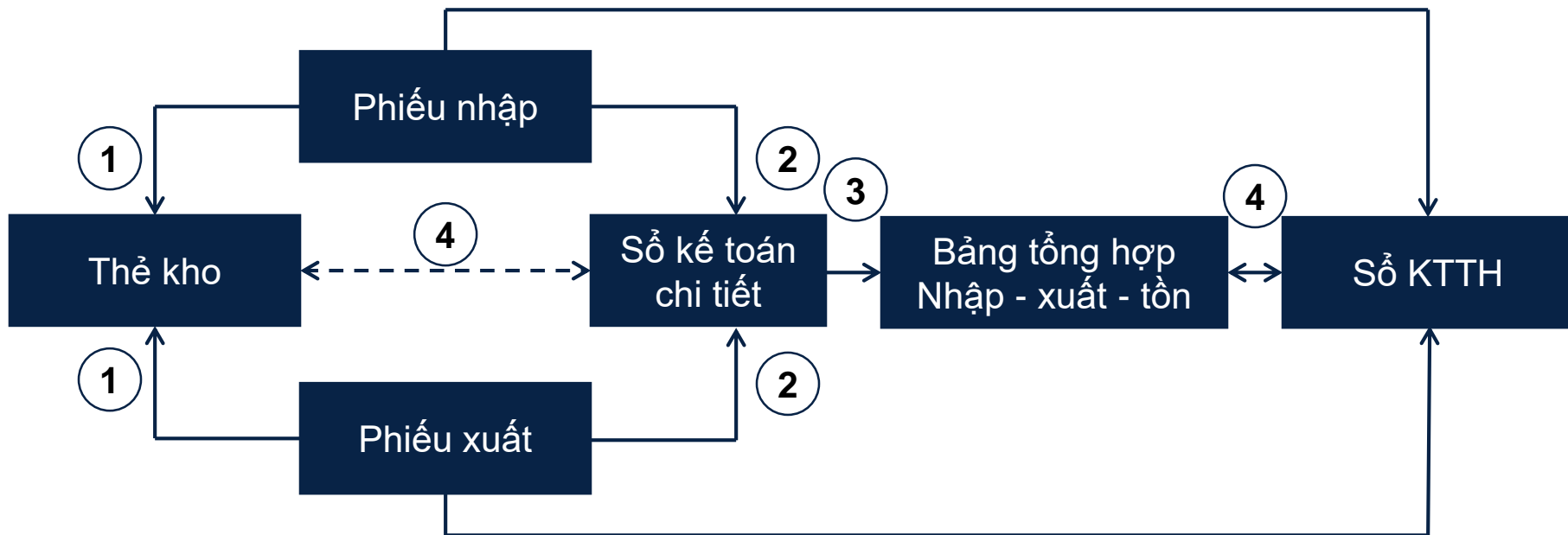
- Theo dõi được tình hình nhập, xuất, tồn kho theo chỉ tiêu hiện vật của từng danh điểm vật tư, sản phẩm, hàng hoá.
- Tính giá vật tư, sản phẩm, hàng hoá theo phương pháp tính giá thích hợp.
- Tổng hợp tình hình luân chuyển và tồn của từng danh điểm vật tư, sản phẩm, hàng hoá theo từng kho.
- Tổng hợp tình hình luân chuyển và tồn của toàn bộ vật tư, sản phẩm, hàng hoá trên phạm vi toàn doanh nghiệp.

3.3.2. Kế toán chi tiết vật tư, sản phẩm, hàng hóa

Phương pháp kế toán chi tiết

Thẻ song song

- Trình tự



3.3.2. Kế toán chi tiết vật tư, sản phẩm, hàng hóa

- Mẫu số

THẺ KHO

Năm.....

Loại vật tư, sản phẩm, hàng hóa.

Chủng loại, quy cách.....đơn vị tính

Ngày tháng	Chứng từ		Nội dung	Số lượng			Ghi chú
	Nhập	Xuất		Nhập	Xuất	Tồn	
1	2	3	4	5	6	7	8
			Tồn kho đầu kỳ				
			Phát sinh trong kỳ				
			Cộng phát sinh				
			Tồn kho cuối kỳ				

3.3.2. Kế toán chi tiết vật tư, sản phẩm, hàng hóa

SỔ CHI TIẾT VẬT TƯ

Năm

Tài khoản

Tên kho

Tên quy cách vật liệu

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
SH	NT				SL	TT	SL	TT	SL	TT	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
		Số dư đầu kỳ									
		Phát sinh trong kỳ									
		Cộng phát sinh									
		Số dư cuối kỳ									

3.3.2. Kế toán chi tiết vật tư, sản phẩm, hàng hóa

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT VẬT TƯ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA
Tháng.....năm

Danh điểm VT	Tên, chủng loại, quy cách	Đơn vị tính	Tồn đầu kỳ		Nhập		Xuất		Tồn cuối kỳ	
			SL	TT	SL	TT	SL	TT	SL	TT
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Cộng									

3.3.2. Kế toán chi tiết vật tư, sản phẩm, hàng hóa

Ưu, nhược điểm và điều kiện vận dụng

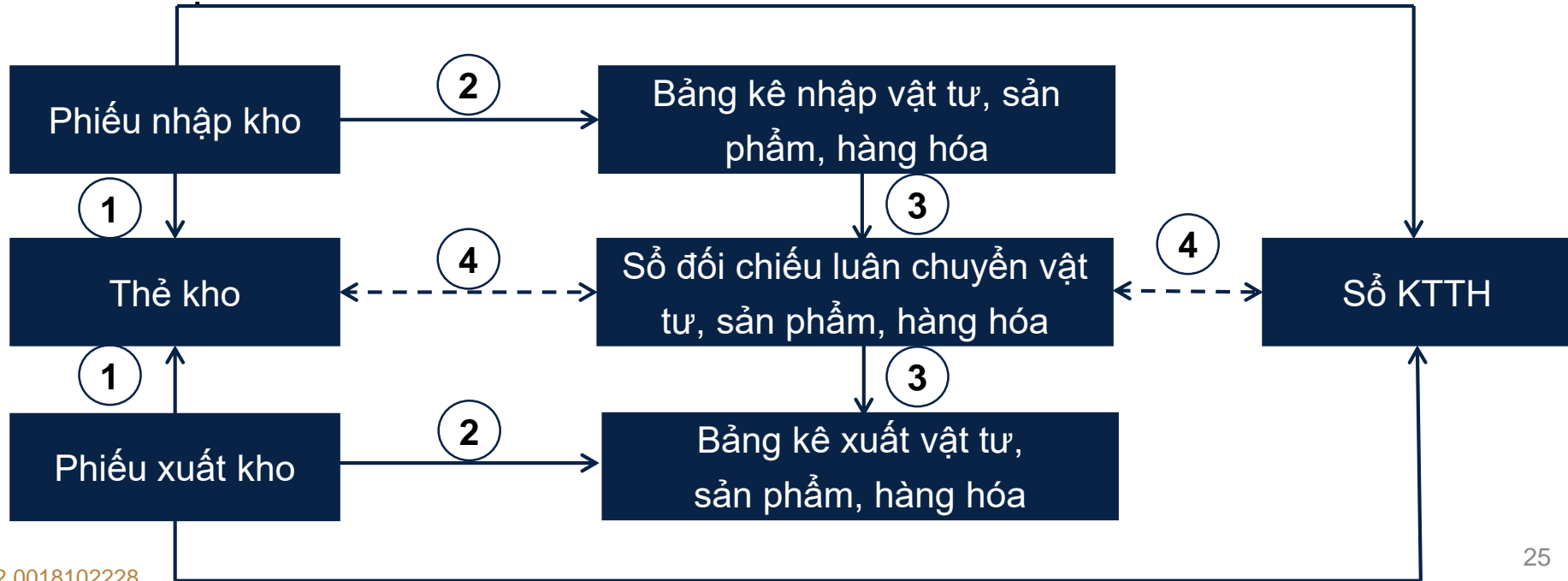
- Ưu điểm: Đơn giản, dễ kiểm tra, đối chiếu, dễ phát hiện sai sót.
- Nhược điểm: Tốn nhiều công sức.
- Điều kiện vận dụng: Doanh nghiệp có ít danh điểm vật tư, hàng hoá hoặc doanh nghiệp kế toán bằng máy vi tính.

3.3.2. Kế toán chi tiết vật tư, sản phẩm, hàng hóa

Phương pháp kế toán chi tiết

Sổ đối chiếu luân chuyển

- Trình tự



3.3.2. Kế toán chi tiết vật tư, sản phẩm, hàng hóa

Mẫu số

BẢNG KÊ NHẬP (XUẤT) VẬT LIỆU, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Danh điểm vật liệu	Tên vật liệu	Đơn vị tính	Giá hạch toán	Số lượng chứng từ	Số lượng				Số tiền
					Kho	Kho	...	Cộng	

3.3.2. Kế toán chi tiết vật tư, sản phẩm, hàng hóa

SỔ ĐỐI CHIẾU LUÂN CHUYỂN

Năm.....

Kho.....

Danh điểm	Tên vật tư	Đơn vị tính	Đơn giá	Số dư đầu tháng 1		Luân chuyển tháng 1				Số dư đầu tháng 2	
						Nhập		Xuất			
				SL	TT	SL	TT	SL	TT	SL	TT
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12

3.3.2. Kế toán chi tiết vật tư, sản phẩm, hàng hóa

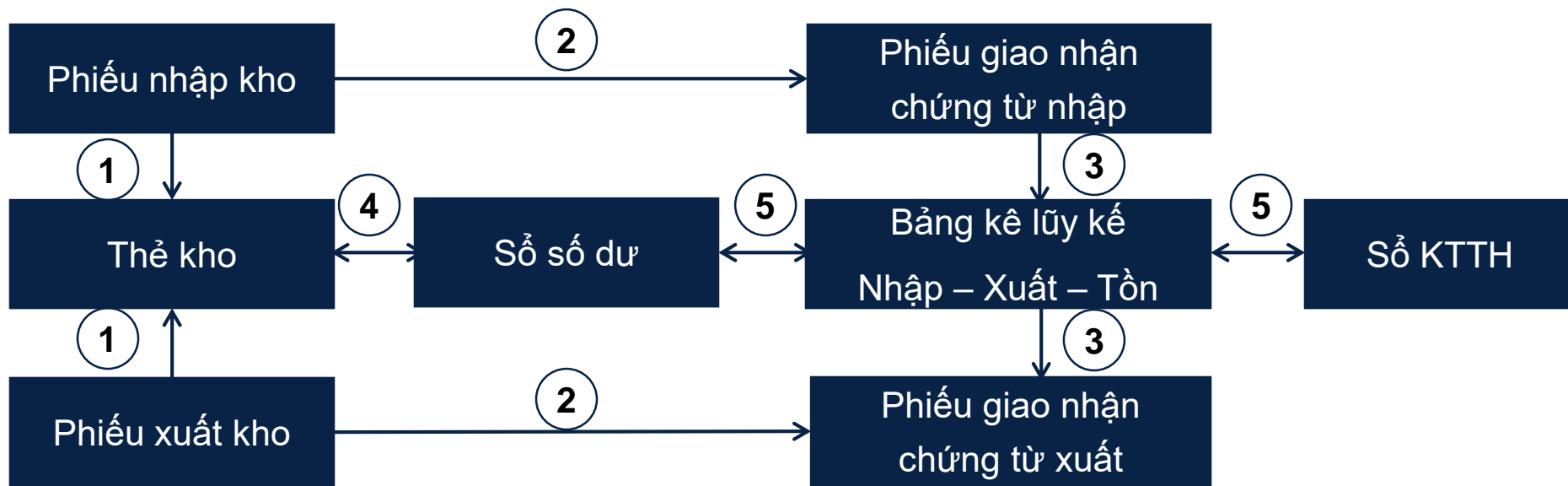
Ưu, nhược điểm và điều kiện vận dụng

- Ưu điểm: Tiết kiệm được công sức cho kế toán.
- Nhược điểm: Khó kiểm tra, phát hiện sai sót, dồn việc vào cuối kỳ.
- Điều kiện vận dụng: Doanh nghiệp có nhiều danh điểm vật tư, hàng hoá và số lần nhập, xuất của mỗi loại không nhiều.

3.3.2. Kế toán chi tiết vật tư, sản phẩm, hàng hóa

SỔ SỐ DƯ

- Trình tự



3.3.2. Kế toán chi tiết vật tư, sản phẩm, hàng hóa

Sổ số dư

- Mẫu số

PHIẾU GIAO NHẬN CHỨNG TỪ

Từ ngày.... Đến ngày.... Tháng..... Năm

Nhóm vật liệu	Số lượng chứng từ	Số hiệu	Số tiền	Số lượng chứng từ

Người nhận

Ngày....tháng....năm....

Người giao

3.3.2. Kế toán chi tiết vật tư, sản phẩm, hàng hóa

BẢNG LŨY KẾ NHẬP - XUẤT - TỒN KHO VẬT TƯ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Tháng.....năm.....

Kho:.....

Số danh điểm	Tên vật tư, sản phẩm, hàng hóa	Tồn kho đầu tháng	Nhập			Xuất			Tồn kho cuối tháng
			Từ ngày... Đến ngày...	Từ ngày... Đến ngày...	Cộng nhập	Từ ngày... Đến ngày...	Từ ngày... Đến ngày...	Cộng xuất	

3.3.2. Kế toán chi tiết vật tư, sản phẩm, hàng hóa

SỔ SỐ DƯ

Năm.....

Kho:.....

Số danh điểm	Tên vật tư, sản phẩm, hàng hóa	Đơn vị tính	Đơn giá	Đ/m dự trừ	Số dư đầu năm		Tồn kho cuối tháng 1		Tồn kho cuối tháng 2	
					Số lượng	Số tiền	Số lượng	Số tiền	Số lượng	Số tiền

3.3.2. Kế toán chi tiết vật tư, sản phẩm, hàng hóa

Ưu, nhược điểm và điều kiện vận dụng

- Ưu điểm: Tiết kiệm được công sức cho kế toán, dàn đều công việc trong kỳ.
- Nhược điểm: Khó kiểm tra, phát hiện sai sót.
- Điều kiện vận dụng: Doanh nghiệp có nhiều danh điểm vật tư, hàng hoá và số lần nhập, xuất của mỗi loại nhiều.

3.4. Tổ chức kế toán tổng hợp

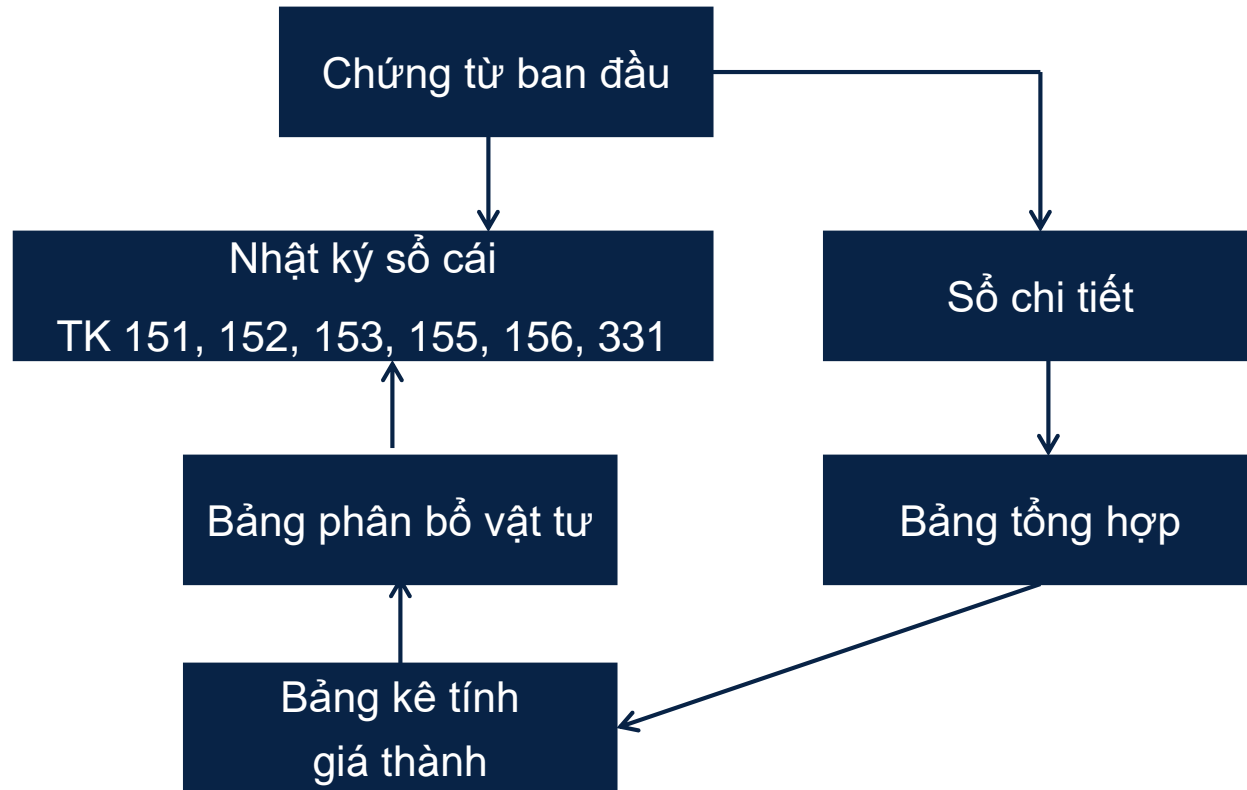
3.4.1. Hình thức nhật
ký sổ cái

3.4.2. Hình thức nhật
ký chung

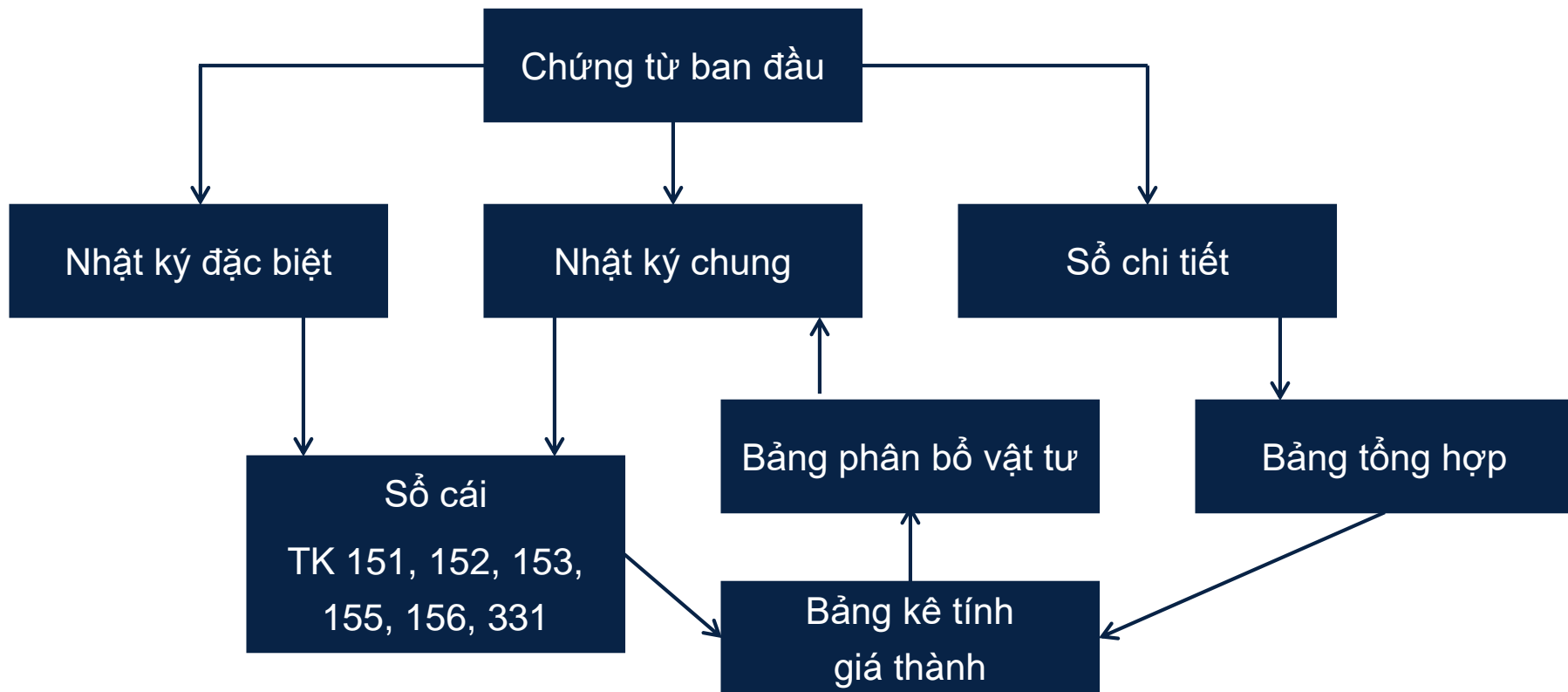
3.4.3. Hình thức chứng
từ ghi sổ

3.4.4. Hình thức nhật
ký chứng từ

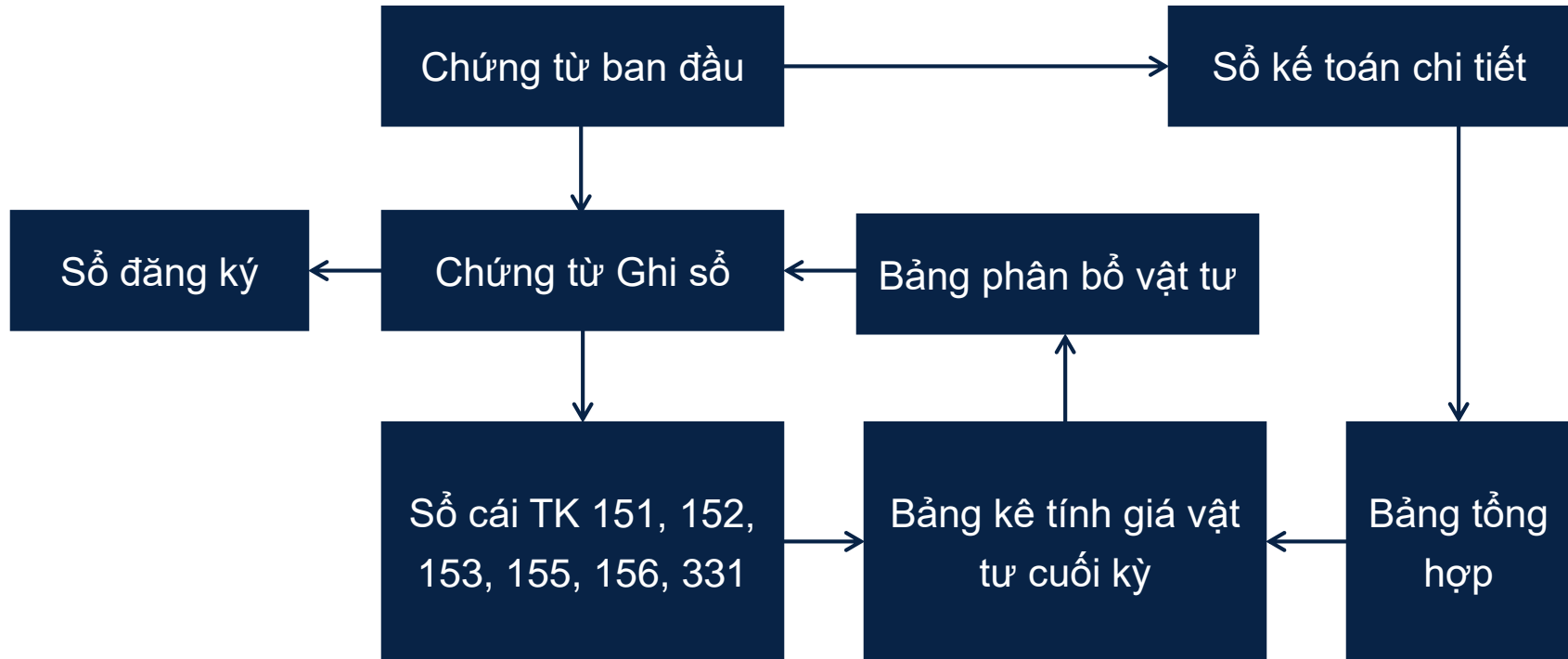
3.4.1. Hình thức nhật ký- sổ cái



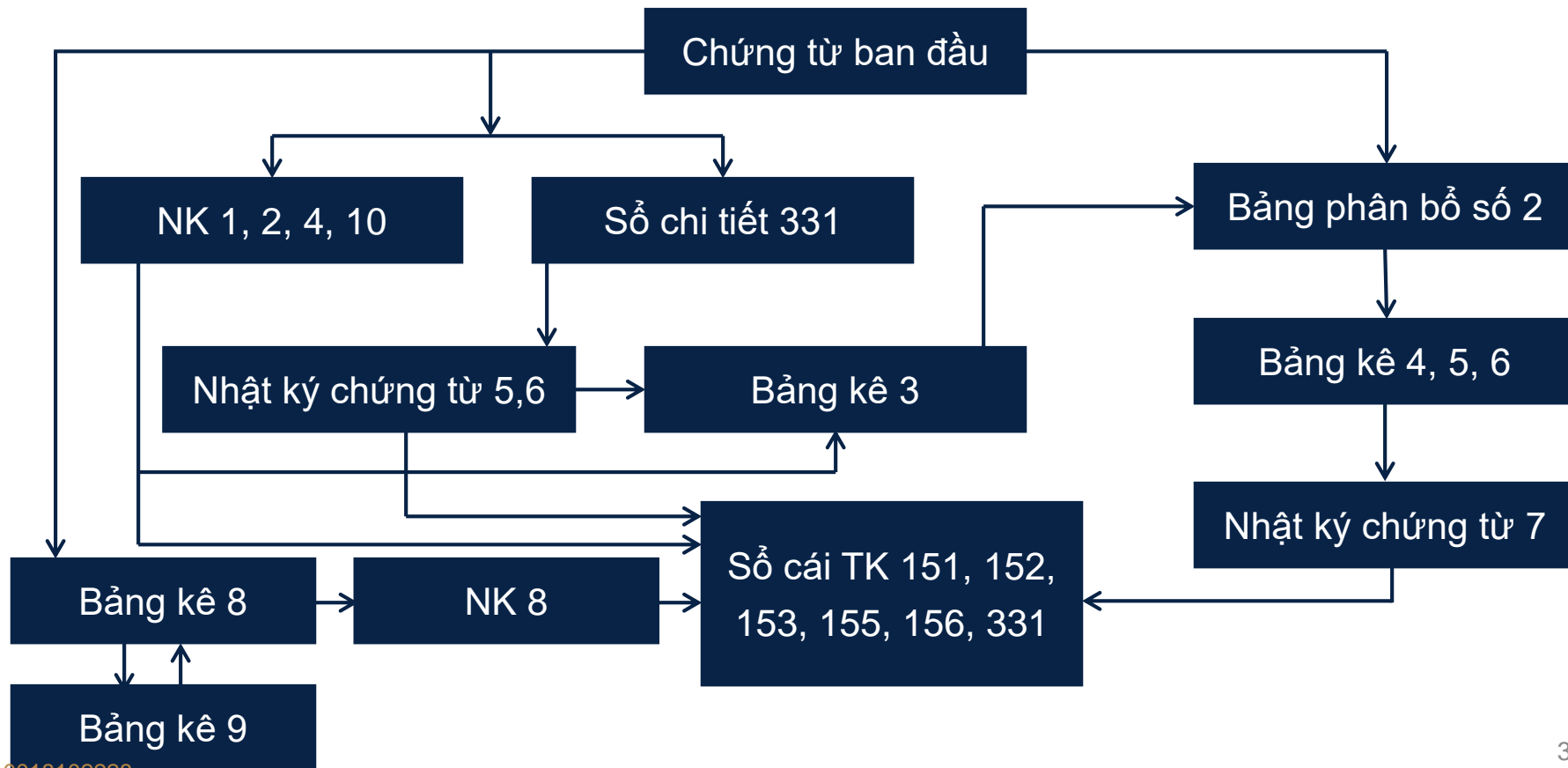
3.4.2. Hình thức nhật ký chung



3.4.3. Hình thức chứng từ ghi sổ



3.4.4. Hình thức nhật ký chứng từ



Ví dụ

Công ty X hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tháng 6/N có tình hình sau: đơn vị: 1.000đ

I. Số dư đầu quý:

Vật liệu A: 10.000 kg; Đơn giá: 20/kg; Vật liệu B: 10.000 kg; ĐG: 30/kg

Phải trả nhà cung cấp: A: 200.000; B: 300.000

II. Các nghiệp vụ phát sinh trong quý

1. Mua và nhập kho 50.000 kg vật liệu A của công ty A theo giá chưa VAT 10%: 21/kg. Phiếu nhập kho số 10 ngày 02/03/N. Hóa đơn GTGT số 02345

2. Mua và nhập kho 60.000 kg vật liệu B của công ty B theo giá chưa VAT 10%: 32/kg. Phiếu nhập kho số 11 ngày 03/03/N. Hóa đơn GTGT số 03456

Ví dụ

3. Xuất kho 45.000 kg vật liệu A để sản xuất sản phẩm A1 và 50.000 kg vật liệu B để sản xuất sản phẩm B1. Phiếu xuất kho số 30 ngày 04/03.
 4. Xuất kho 2.000kg vật liệu B để dùng chung cho phân xưởng. Phiếu xuất kho số 31 ngày 05/03
 5. Thanh toán cho nhà cung cấp A 650.000 theo giấy báo nợ số 28 ngày 08/03.
 6. Thanh toán cho nhà cung cấp B 1.400.000 theo giấy báo nợ số 29 ngày 08/03.
- Yêu cầu:** Lập chứng từ, sổ kế toán chi tiết và tổng hợp liên quan đến vật liệu (phương pháp thẻ song song) và phải trả nhà cung cấp.

Đơn vị:.....
 Bộ phận:.....

Mẫu số 01 – VT
 (Ban hành theo TT200/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

Phiếu nhập kho
Ngày 02 tháng 03 năm N

Số:10

Nợ: 152

Có: 331

- Họ và tên người giao hàng: Lê Nam Long
- Theo Hóa đơn GTGT số 02345 ngày 02 tháng 03 năm N của Công ty A
- Nhập tại kho: Kho Công ty; Địa điểm: 75, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội

TT	Tên vật tư, sản phẩm, hàn hóa	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo CT	Thực N		
1	VLA	AA	Kg	50.000	50.000	21	1.050.000
	Cộng						1.050.000

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Một tỷ không trăm năm mươi triệu đồng chẵn
- Số chứng từ gốc kèm theo: 01

Người lập phiếu
 (Ký, họ tên)

Người giao hàng
 (Ký, họ tên)

Thủ kho
 (Ký, họ tên)

Ngày...tháng...năm...
Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Đơn vị:.....
 Bộ phận:.....

Mẫu số 01 – VT
 (Ban hành theo TT200/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng BTC)

Phiếu xuất kho
Ngày 04 tháng 03 năm N

Số:30

Nợ: 621

Có: 152

- Họ và tên người nhận hàng: Lê Văn Tuyên; Địa chỉ (bộ phận): Phân xưởng sản xuất
- Lý do xuất kho: Sản xuất sản phẩm A và B
- Xuất tại kho: Kho Công ty; Địa điểm: 75, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội

TT	Tên vật tư, sản phẩm, hàn hóa	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo CT	Thực N		
1	VLA	AA	Kg	45.000	45.000	20,8	936.000
2	VLB	BB	Kg	50.000	50.000	31,7	1.585.000
	Cộng						2.521.000

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Hai tỷ năm trăm hai mươi mốt triệu đồng chẵn
- Số chứng từ gốc kèm theo: 01

Ngày...tháng...năm...

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

THẺ KHO
Tên vật tư: VLA
Ngày 01 tháng 01 năm N
Tờ số:

Chứng từ		Diễn giải	ĐV	Nhập	Xuất	Tồn	Ghi chú
SH	NT						
		Tồn kho đầu quý	Kg			10,000	
10	02/03	Nhập		50,000		60,000	
30	04/03	Xuất			45,000	15,000	
		Cộng		50,000	45,000		
		Tồn cuối quý				15,000	

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU
Quý I/N
Đối tượng: VLA

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ'	ĐG	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				SL	TT	SL	TT	SL	TT
		Số dư đầu quý		20					10,000	200,000
10	02/03	Nhập	331	21	50,000	1,050,000			60,000	1,250,000
30	04/03	Xuất	621	20.8			45,000	936,000	15,000	314,000
		Cộng phát sinh			50,000	1,050,000	45,000	936,000		
		Số dư cuối quý							15,000	314,000

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT VẬT TƯ
Quý I/N

Tên	Đơn vị tính	Tồn đầu quý		Nhập		Xuất		Tồn	
		SL	TT	SL	TT	SL	TT	SL	TT
VLA	Kg	10,000	200,000	50,000	1,050,000	45,000	936,000	15,000	314,000
VLB	Kg	10,000	300,000	60,000	1,920,000	52,000	1,648,400	18,000	571,600
Cộng		20,000	500,000	110,000	2,970,000	97,000	2,584,400	33,000	885,600

BẢNG PHÂN BỐ VẬT LIỆU – CÔNG CỤ DỤNG CỤ
Quý I/N

STT	Đối tượng sử dụng	Ghi có TK	TK 152	
			VLA	VLB
1	TK 621: Chi phí vật liệu trực tiếp		936,000	1,585,000
	- SPA		936,000	
	- SPB			1,585,000
2	TK 627: Chi phí sản xuất chung			63,400
3	TK 641: Chi phí bán hàng			
4	TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp			
	Cộng		936,000	1,648,400

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN
Quý I/N
TK 331: Phải trả nhà cung cấp
Đối tượng: Công ty A

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ'	TH được CK	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT				Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu quý						200,000
	2345	02/03	Mua vật liệu	152			1,050,000		
				133			105,000		
	28	08/03	Thanh toán	112		650,000			
			Cộng phát sinh			650,000	1,155,000		
			Số dư cuối tháng						705,000

BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN

STT	Người bán	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Công ty A		200,000	650,000	1,155,000		705,000
2	Công ty B		300,000	1,400,000	2,112,000		1,012,000
	Tổng		500,000	2,050,000	3,267,000		1,717,000

NHẬT KÝ CHUNG

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi Sổ cái	STT dòng	SH TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
	2345	02/03	Mua vật liệu			152	1,050,000	
						133	105,000	
						331		1,155,000
	3456	03/03	Mua vật liệu			152	1,920,000	
						133	192,000	
						331		2,112,000

	BN28	08/03	Thanh toán tiền hàng			331	650,000	
						112		650,000
	BN29	08/03	Thanh toán tiền hàng			331	1,400,000	
						112		1,400,000

31/03	PX30	04/03	Xuất vật liệu để sản xuất			621	2,521,000	
						152		2,521,000
31/03	PX31	05/03	Xuất vật liệu để sản xuất			627	63,400	
						152		63,400

SỔ CÁI
TK 152: Nguyên vật liệu

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	NKC		SH TKĐƯ'	Số phát sinh	
	SH	NT		Trang	Dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ				500,000	
	2345	02/03	Mua vật liệu			331	1,050,000	
	3456	03/03	Mua vật liệu			331	1,920,000	
31/03	PX30	04/03	Xuất vật liệu để sản xuất			621		2,521,000
31/03	PX31	05/03	Xuất vật liệu để sản xuất			627		63,400
			Cộng phát sinh				2,970,000	2,584,400
			Số dư cuối kỳ				885,600	

SỔ CÁI
TK 331: Phải trả nhà cung cấp

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	NKC		SH TKĐƯ'	Số phát sinh	
	SH	NT		Trang	Dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					500,000
	2345	02/03	Mua vật liệu			152		1,050,000
						133		105,000
	3456	03/03	Mua vật liệu			152		1,920,000
	PX31	0	Mua vật liệu			133		192,000
	BN28	08/03	Thanh toán tiền hàng			112	650,000	
	BN29	08/03	Thanh toán tiền hàng			112	1,400,000	
			Cộng phát sinh				2,050,000	3,267,000
			Số dư cuối kỳ					1,717,000

Tổng kết bài học

Những nội dung đã nghiên cứu:

- Mục tiêu và nguyên tắc tổ chức kế toán hàng tồn kho và thanh toán với người bán.
- Tổ chức lập và luân chuyển chứng từ.
- Tổ chức kế toán chi tiết.
- Tổ chức kế toán tổng hợp.